



huàn bìng

患病

verb · to fall ill

Example Sentences

tā huàn bìng hòu xū yào hǎo hǎo xiū xi
他患病后需要好好休息。

He needs to rest well after falling ill.

cháng qī xī yān huì yán zhòng sǔn hài qì guǎn nián mó zēng jiā huàn bìng fēng xiǎn
长期吸烟会严重损害气管黏膜，增加患病风险。

Long-term smoking can severely damage the tracheal mucosa and increase the risk of illness.

Trace each character, then write the word on your own.

患	患	患	患	患	患	患	患	患	患	患
患	患	患								

病	病	病	病	病	病	病	病	病	病	病
病	病									